

Working Paper 2022.1.2.04
- Vol 1, No 2

**NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG HỌC TẬP CỦA
SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Lê Thị Phương Anh¹, Nguyễn Thu Phương, Trương Triều Hoa, Huỳnh Ngọc Bảo Hân

Sinh viên K59D – Kinh tế đối ngoại

Huỳnh Long Vũ

Sinh viên K59C – Kế toán - Kiểm toán

Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phạm Thị Diệp Hạnh

Giảng viên Bộ môn Kinh tế - Luật

Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu những yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến chất lượng học tập trực tuyến của sinh viên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Đó là các yếu tố: kỹ năng giảng dạy của giảng viên; kỹ năng quản lý lớp học của giảng viên; khả năng tự học, tự tìm hiểu của sinh viên; phương tiện kỹ thuật. Dựa trên sự phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 21.0, kết quả sẽ cho thấy mức độ tác động khác nhau giữa các yếu tố trên. Từ kết quả này, bài viết sẽ đề xuất một số giải pháp hữu ích cho cơ sở giáo dục, giảng viên và sinh viên nhằm nâng cao chất lượng dạy và học trực tuyến.

Từ khóa: kỹ năng giảng dạy, kỹ năng quản lý lớp học, khả năng tự học, phương tiện kỹ thuật, chất lượng học trực tuyến

**RESEARCH ON FACTORS AFFECTING THE ONLINE LEARNING QUALITY
OF UNIVERSITY AND COLLEGE STUDENTS IN HO CHI MINH CITY**

Abstract

The article studies how both objective and subjective factors affect the quality of online learning of students in Ho Chi Minh City. These factors include teaching skills of lecturers, classroom management skills of lecturers, students' ability to self-study, and technical means. Based on the analysis of data using SPSS 21.0 software, the study shows different levels of influence of four main factors. From this result, the article will propose some useful solutions for educational institutions, lecturers and students to improve the quality of online learning.

Keywords: teaching skills, classroom management skills, ability to self-study, technical means, quality of online learning.

¹ Tác giả liên hệ, Email: lethiphuonganh2048@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã mở ra cho thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng một xu hướng mới thông qua “Internet vạn vật”. Trong bối cảnh đó, lĩnh vực giáo dục cũng đã có những bước chuyển mình, đặc biệt là các chính sách khuyến khích của hệ thống giáo dục. Trước đó, từ năm 2016, Bộ GD & ĐT khuyến khích hệ thống giáo dục triển khai dạy và học trực tuyến với thời lượng giới hạn 30%. Đến gần giữa tháng 3/2020, Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành công văn số 795/BGDĐT-GDĐH nhằm chi tiết hóa và hướng dẫn triển khai về dạy và học trực tuyến cho cả hệ thống giáo dục nhưng vẫn phải đảm bảo chuẩn chất lượng cơ bản trong quá trình đào tạo. Tiếp đó, gần cuối tháng 3/2020, công văn 988/BGDĐT-GDĐH được ban hành nhằm khẳng định hệ thống giáo dục sẽ tiến hành đánh giá học phần dạy trực tuyến theo hình thức thi học phần trực tuyến với các quy trình đảm bảo chất lượng hệ thống.

Đây được xem là một bước tiến lớn về chính sách nhằm giúp hệ thống giáo dục Việt Nam từng bước chuyển từ dạy-học-thi truyền thống sang dạy-học-thi trực tuyến dựa trên các hoàn thiện từng bước về tính sẵn sàng, công nghệ và công tác triển khai trong thực tiễn gắn với kỳ vọng đảm bảo chất lượng toàn hệ thống.

Hơn thế nữa, qua khủng hoảng Covid-19, việc dạy-học-thi trực tuyến 100% đã khẳng định vai trò quan trọng của nó. Thế nhưng, đó cũng chính là cơ hội giúp cho ta nhận ra được những vấn đề, thách thức đang tồn tại làm giảm sút hiệu quả giáo dục trực tuyến. Trong đó, mấu chốt của vấn đề nằm ở những yếu tố khách quan và chủ quan tác động đến chất lượng giáo dục trực tuyến. Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đó tại Việt Nam thường có phạm vi nghiên cứu rất nhỏ (một trường đại học) hoặc rất lớn (Việt Nam), sẽ làm cho việc tìm ra và áp dụng các giải pháp còn nhiều khó khăn. Vậy nên, để đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng với hiệu quả cao, nhóm quyết định sẽ nghiên cứu đề tài: “Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng học tập trực của sinh viên trên địa bàn TPHCM” với mong muốn sẽ giải quyết triệt để các rào cản, thách thức đang còn tồn tại.

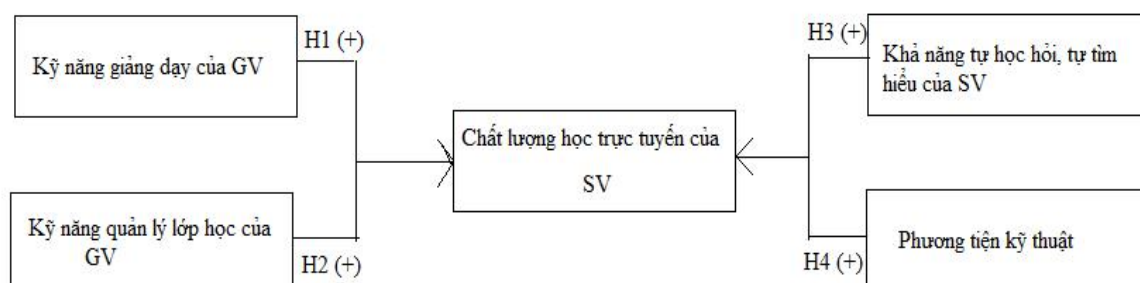
2. Mô hình, giải pháp nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu:

2.1. *Mô hình và giả thuyết nghiên cứu:*

Căn cứ vào cơ sở lý thuyết về sự kỳ vọng - xác nhận kết hợp với các nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm trong và ngoài nước về các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng học tập trực tuyến của sinh viên, nhóm nghiên cứu quyết định sử dụng mô hình SERVPERF bởi Cornin & Taylor, 1992. Mô hình nghiên cứu này cũng được ứng dụng trong nhiều bài nghiên cứu thực nghiệm trước đó. Chẳng hạn như trong bài nghiên cứu của Kesavan Vadakalur Elumalai và cộng sự (2020), ông đã sử dụng mô hình SERVPERF với 7 yếu tố tác động trực tiếp đến chất lượng học tập và cho kết quả khả quan và độ tin cậy cao. Hơn thế nữa, nhóm nghiên cứu đã tiến hành lọc các yếu tố ảnh

hưởng đến chất lượng học tập trực tuyến từ các bài nghiên cứu nổi bật. Từ đó, nhóm nghiên cứu đưa ra mô hình nghiên cứu đề xuất SERVPERF với 4 biến độc lập được cụ thể hóa dưới hình sau đây:

Hình 1. Mô hình nghiên cứu chính thức



Kỹ năng giảng dạy của giảng viên: theo Giáo trình kỹ năng dạy học, dạy nghề (2016) của Thao Trần, kỹ năng giảng dạy của giảng viên được định nghĩa là năng lực của người dạy thực hiện một cách có kết quả các hoạt động/công việc của mình nhằm đạt được mục đích dạy học đã xác định bằng cách lựa chọn và áp dụng những phương pháp phù hợp với người học, điều kiện, hoàn cảnh và phương tiện nhất định. Nếu giảng viên có kỹ năng giảng dạy tốt sẽ giúp các bạn sinh viên gia tăng hiệu suất tiếp thu kiến thức. Còn ngược lại, gây tâm lý chán nản cho sinh viên làm giảm chất lượng học tập.

Giả thuyết H1: Kỹ năng giảng dạy của giảng viên có tác động thuận chiều đến chất lượng học tập trực tuyến.

Bảng 1. Thang đo Kỹ năng giảng dạy của giảng viên

Tên biến	Diễn giải nội dung	Nguồn tham khảo
GV1	Giảng viên có trình độ cao, sâu rộng về chuyên môn giảng dạy	Phạm (2016)
GV2	Giảng viên có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu	
GV3	Giảng viên sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm cho sinh viên	
GV4	Giảng viên khuyến khích câu hỏi từ học viên	
GV5	Sinh viên có môi trường thảo luận với sinh viên khác và giảng viên	Vũ & Nguyễn (2013)
GV6	Giảng viên thường đặt các câu hỏi cho sinh viên trong các lớp học trực tuyến	
GV7	Có thể dễ dàng chia sẻ kiến thức và tài liệu trong học trực tuyến	

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

Kỹ năng quản lý lớp học của giảng viên biểu thị khả năng tác động của giảng viên lên sinh viên hay nói cách khác là khả năng chỉ đạo hoạt động chung của lớp, phối hợp các nhóm riêng lẻ thành một thể thống nhất để thực hiện hiệu quả một mục tiêu nhất định. Biện kỹ năng quản lý lớp học của giảng viên cũng phụ thuộc vào kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, đặc điểm của sinh viên theo Marzano và cộng sự (2016). Nếu một giảng viên có kỹ năng quản lý lớp học tốt, thì các bạn sinh viên sẽ có được định hướng rõ ràng, tập trung cho mục tiêu nhất định dẫn đến kết quả học tập tốt. Còn ngược lại thì không.

Giả thuyết H2: Kỹ năng quản lý lớp học của giảng viên tác động thuận chiều đến chất lượng học tập trực tuyến.

Bảng 2. Thang đo Kỹ năng quản lý lớp học của giảng viên

Tên biến	Diễn giải nội dung	Nguồn tham khảo
QL1	Giảng viên có những cách thức phù hợp để quản lý trật tự trong lớp (yêu cầu không bật mic khi không phát biểu, không thảo luận những vấn đề không liên quan đến nội dung bài học....)	Nhóm tác giả đề xuất
QL2	Giảng viên thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy và chỉ tiêu đánh giá kế hoạch học tập	Phạm (2016)
QL3	Chương trình học được thông báo rõ ràng	Nhóm tác giả đề xuất
QL4	Giảng viên hỗ trợ giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan	Vũ & Nguyễn (2013)

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

Khả năng tự học hỏi, tự tìm hiểu của sinh viên biểu thị sự chủ động, tự giác tiếp thu kiến thức của sinh viên. Chẳng hạn như chủ động xem trước slide bài giảng, đọc sách chuyên môn, thực tập,... (Elumalai và cộng sự, 2020). Vậy nên, trong bối cảnh học tập trực tuyến, các kiến thức cung cấp chỉ ở mức cơ bản mà sinh viên biết tự học, tự tìm hiểu như thế thì sẽ dễ đi sâu vào bản chất của vấn đề, hiểu sâu sắc hơn về sự việc, sự vật. Và đó cũng chính là yếu tố quan trọng nâng cao chất lượng học tập nói chung và trực tuyến nói riêng.

Giả thuyết H3: Khả năng tự học hỏi, tự tìm hiểu của sinh viên tác động thuận chiều đến chất lượng học tập trực tuyến.

Bảng 3. Thang đo Kỹ năng tự học, tự tìm hiểu của sinh viên

Tên biến	Diễn giải nội dung	Nguồn tham khảo
SV1	Tôi có động lực học tập và sẵn sàng học trên e-Learning	Vũ & Nguyễn (2013)
SV2	Tôi sẽ học trực tuyến ở bất cứ mọi nơi nên không sợ bỏ lỡ kiến thức	HARSASI & SUTAWIJAYA (2018)
SV3	Tôi quản lý thời gian cá nhân tốt để hoàn thành yêu cầu của môn học	Vũ & Nguyễn (2013)
SV4	Trong lúc học trực tuyến, tôi luôn tập trung và không bị xao lãng bởi môi trường và các nội dung không liên quan.	

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

Phương tiện kỹ thuật bao gồm các sự ổn định của đường truyền hay nói cách khác là tốc độ Internet; các thiết bị kết nối (laptop, điện thoại, máy tính,...) và website/ ứng dụng học tập trực tuyến. Trong bối cảnh học tập trực tuyến, yếu tố ổn định của đường truyền Internet đóng vai trò vô cùng quan trọng vì nó là yếu tố tạo nên sự kết nối giữa sinh viên với giảng viên (Elumalai và cộng sự, 2020). Nếu trong suốt quá trình học tập, đường truyền Internet luôn ở trạng thái ổn định thì lượng thông tin, kiến thức sẽ được cung cấp một cách liên tục, không ngắt quãng, người học cũng sẽ cảm thấy thuận lợi trong việc tiếp thu bài học. Ngược lại, nếu đường truyền không ổn định, các thông tin truyền đến bị ngắt quãng, có thể bỏ sót các kiến thức quan trọng, dẫn đến kết quả học tập kém. Tương tự đối với yếu tố các thiết bị kết nối và website/ ứng dụng học tập trực tuyến về cấu hình mạnh và thân thiện với người dùng.

Giả thuyết H4: Phương tiện kỹ thuật tác động thuận chiều đến chất lượng học tập trực tuyến.

Bảng 4. Thang đo Phương tiện kỹ thuật

Tên biến	Diễn giải nội dung	Nguồn tham khảo
KT1	Tốc độ load của website nhanh	HARSASI & SUTAWIJAYA (2018)
KT2	Hệ thống chạy ổn định, hạn chế tình trạng không truy cập được vào hệ thống	
KT3	Giao diện dễ sử dụng, không đòi hỏi nhiều kiến thức về công nghệ	Vũ & Nguyễn (2013)
KT4	Nền tảng e-learning thân thiện với người dùng để cài đặt và vận hành	

Tên biến	Diễn giải nội dung	Nguồn tham khảo
KT5	Các sự cố, lỗi kỹ thuật được nhà trường hỗ trợ giải quyết nhanh chóng và hiệu quả	

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

Đề tài sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng.

Phương pháp nghiên cứu định tính: sử dụng trong giai đoạn đầu của quá trình nghiên cứu, cụ thể là Chương 2 nhóm nghiên cứu tiến hành thu thập thông tin qua dữ liệu thứ cấp (qua các bài báo, tạp chí, văn bản, báo cáo, nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước) từ đó đưa ra các yếu tố của mô hình nghiên cứu. Sau đó, nhóm tiến hành điều chỉnh các yếu tố của mô hình nghiên cứu sao cho phù hợp với điều kiện nghiên cứu, đi tới hoàn thiện mô hình nghiên cứu và lên kế hoạch thiết kế bảng hỏi. Sau đó, nhóm nghiên cứu thu thập số liệu sơ cấp qua phỏng vấn sinh viên các trường đại học, cao đẳng; thiết kế mẫu hỏi thông qua Google Survey. Các câu hỏi định tính chủ yếu tập trung thu thập các ý kiến, đánh giá của sinh viên về các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng học tập trực tuyến trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp định lượng là phương pháp chủ yếu được sử dụng trong quá trình nghiên cứu. Theo đó, nhóm nghiên cứu xây dựng bảng hỏi trực tuyến trên Google Forms (PHỤ LỤC 1) có cấu trúc như sau:

Nội dung chính của bảng hỏi bao gồm 23 câu hỏi định lượng, 6 câu hỏi định tính nhằm mục đích thống kê dữ liệu mẫu. 23 câu hỏi định lượng thuộc 5 thành phần: Kỹ năng giảng dạy của giảng viên (7 câu hỏi), Kỹ năng quản lý của giảng viên trong lớp học trực tuyến (4 câu hỏi), yếu tố liên quan đến bản thân học viên (4 câu hỏi), phương tiện kỹ thuật (5 câu hỏi), chất lượng học tập (3 câu hỏi). Người được khảo sát tiến hành đánh giá các thang đo bằng cách chọn các ô số từ 1 đến 5 (theo thang đo Likert 5 điểm) về các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học tập trực tuyến của sinh viên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy ước: 1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Bình thường; 4: Đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý.

Bảng hỏi được gửi đến các đối tượng khảo sát qua email từ ngày 24/03/2021 và kết thúc khảo sát vào ngày 16/04/2021, sau đó tiến hành lọc và giữ lại những câu trả lời hợp lệ. Nhóm nghiên cứu thu được tổng thể 180 mẫu. Sau khi lọc mẫu theo công thức của Tabachnick & Fidell (2007); Hair, Anderson, Tatham và Black (2009), ta còn lại 146 mẫu hợp lệ. Dữ liệu khảo sát được phân tích bằng phần mềm SPSS 21.0 và Excel. Phần mềm Excel được dùng cho mục đích tổng hợp số liệu, loại các phiếu trả lời không hợp lệ. Phần mềm SPSS dùng để phân tích dữ liệu

sơ bộ, kiểm định mô hình, thang đo và giả thiết nghiên cứu (Cronbach's Alpha, EFA, phân tích hồi quy).

3. Kết quả nghiên cứu:

3.1. Thống kê mô tả mẫu khảo sát:

Theo kết quả thống kê từ Phần mềm SPSS, mẫu khảo sát có sự chênh lệch về giới tính trong kết quả. Trong số 146 phiếu khảo sát thu được có 62,3% đối tượng là nữ (91 đối tượng), trong khi đối tượng khảo sát là nam chiếm 37,7% (55 đối tượng). Nhưng vì nhóm tác giả thực hiện việc chọn mẫu phi xác suất thông qua kênh khảo sát online nên không thể kiểm soát được cơ cấu giới tính của kết quả thống kê.

Về đối tượng sinh viên, số lượng đối tượng khảo sát chiếm nhiều nhất là sinh viên năm nhất (45,2%), tiếp theo là sinh viên năm hai chiếm 26.7%, sinh viên năm ba chiếm 19.9% và sinh viên năm tư chỉ chiếm 8.2%. Về nền tảng học trực tuyến, Zoom là nền tảng được sử dụng phổ biến nhất (40,9%), Microsoft Teams (31,4 %) và Google Meet (27,7%).

Về phương tiện học tập trực tuyến, trong 146 mẫu có 124 sinh viên học trực tuyến thông qua laptop/máy tính (56,1%), 87 sinh viên học trực tuyến bằng điện thoại (39,4%) và 13 sinh viên học trực tuyến bằng Ipad (4,5%).

Về lí do học trực tuyến, phần lớn sinh viên học trực tuyến theo yêu cầu của nhà trường. Trong số 146 phiếu khảo sát có đến 82,7% sinh viên (143 phiếu) trả lời rằng lý do học trực tuyến là theo yêu cầu của nhà trường, 7.5% lí do vì không thể tham gia khóa học trực tiếp, và 9,8% lý do để tiết kiệm thời gian.

Về xu hướng học tập trực tuyến, phần lớn sinh viên lựa chọn học truyền thống (hình thức học trực tiếp) (52,4%) hoặc học kết hợp trực tiếp và truyền thống (40,2%) và rất ít lựa chọn học hoàn toàn trực tuyến (7,3%).

Bảng 5. Kết quả thống kê tần số với các biến định tính

N = 146	Giá trị biến	Tần số	Tỷ lệ %
Giới tính	Nữ	91	62,3
	Nam	55	37,7
Đối tượng sinh viên	Năm nhất	66	45.2
	Năm hai	39	26.7
	Năm ba	29	19.9
	Năm tư	12	8.2

N = 146	Giá trị biến	Tần số	Tỷ lệ %
Nền tảng học trực tuyến	Microsoft Teams	86	31,4
	Zoom	112	40,9
	Google Meet	76	27,7
Phương tiện học trực tuyến	Điện thoại	87	39,4
	Laptop/máy tính	124	56,1
	Ipad	13	4,5
	Theo yêu cầu của nhà trường	143	82,7
Lý do tham gia học tập trực tuyến	Không đủ điều kiện tham gia khóa học trực tiếp	13	7,5
	Tiết kiệm thời gian	27	9,8
	Học truyền thống (trực tiếp)	86	52,4
Xu hướng lựa chọn hình thức học tập	Học trực tuyến	12	7,3
	Học kết hợp giữa trực tiếp và gián tiếp	66	40,2

Qua kết quả thống kê mô tả, hoạt động hoạt động học tập trực tuyến của sinh viên tại TP.HCM rất phổ biến và các đáp viên đa số đều đã từng học tập trực tuyến thông qua các nền tảng khác nhau. Đa phần sinh viên học trực tuyến là do yêu cầu của nhà trường (82,7%) và họ vẫn còn chưa thực sự tin tưởng với chất lượng học tập trực tuyến, vì chỉ có 7,3% các bạn sinh viên lựa chọn chỉ học trực tuyến. Do đó, có thể thấy rằng chất lượng học tập trực tuyến rất quan trọng để các bạn sinh viên có thể an tâm học tập, nhất là trong điều kiện hiện nay. Những điều trên cũng sẽ góp phần giúp cho kết quả khảo sát về chất lượng học trực tuyến mang tính chính xác cao hơn.

3.2. Đánh giá thang đo, phân tích nhân tố và phân tích hồi quy:

3.2.1. Đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua Cronbach Alpha:

Nhóm tác giả tiến hành phân tích hệ số Cronbach's Alpha đối với thang đo của từng biến độc lập và biến phụ thuộc của mô hình. Những biến có hệ số tương quan với biến tổng nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại (Nguyễn & Nguyễn, 2012). Kết quả cho thấy các thang đo đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến- tổng lớn hơn 0,3, không có trường hợp hệ số Cronbach's Alpha khi loại biến đó lớn hơn hệ số Cronbach's Alpha. Do đó, tất cả các thang đo đều cho kết quả đáng tin cậy.

3.2.2. Phân tích nhân tố khám phá - EFA:

a. **Biến độc lập:**

Sau khi thực hiện phân tích Cronbach's alpha, nhóm tác giả thực hiện phân tích nhân tố khám phá EFA với các biến độc lập lần 1 với phương pháp rút trích nhân tố Principal Components và phép quay Varimax tại điểm dừng khi Eigenvalue ≥ 1 . Ngoài trừ biến GV 1 có hệ số tải ở Nhân tố 3 (Kỹ năng giảng dạy của giảng viên) = 0.391 < 0.5 nên bị loại, các biến còn lại đều có giá trị của các hệ số hoàn toàn phù hợp với tiêu chuẩn. Ngoài ra, biến GV3, GV4 của thang đo Kỹ năng giảng dạy của giảng viên hội tụ về Nhân tố Kỹ năng quản lý của giảng viên. Nhận thấy 2 biến này đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý lớp học trực tuyến còn nhiều bất cập, nhóm tác giả quyết định hiệu chỉnh thang đo bằng cách gom hai biến trên vào nhân tố Quản lý. (Đổi tên biến GV3 thành QL5, biến GV4 thành QL6). Sau khi hiệu chỉnh, kết quả phân tích nhân tố cho thấy có 19 biến quan sát được nhóm thành 4 nhóm nhân tố, với hệ số KMO bằng 0,868 chỉ ra rằng phân tích nhân tố là phù hợp.

Bảng 6. Kết quả xoay ma trận nhân tố EFA đối với biến độc lập

Nhân tố	Tên biến trước hiệu chỉnh	Tên biến sau hiệu chỉnh	1	2	3	4
Kỹ năng quản lý lớp học của giảng viên	QL4	QL4	0,769			
	QL1	QL1	0,736			
	QL3	QL3	0,713			
	QL2	QL2	0,710			
	GV3	QL5	0,675			
	GV4	QL6	0,585			
Phương tiện kỹ thuật	KT2	KT2		0,783		
	KT3	KT3		0,758		
	KT1	KT1		0,746		
	KT4	KT4		0,731		
	KT5	KT5		0,701		
Kỹ năng giảng dạy	GV6	GV6			0,847	
	GV5	GV5			0,786	
	GV7	GV7			0,715	

Nhân tố	Tên biến trước hiệu chính	Tên biến sau hiệu chính	1	2	3	4
của giảng viên	GV2	GV2			0,538	
Khả năng tự học, tự tìm hiểu của sinh viên	SV2 SV3 SV4 SV1	SV2 SV3 SV4 SV1				0,777 0,715 0,699 0.628

Giá trị hệ số KMO là 0,868 ($0,5 < 0,868 < 1$), thỏa mãn yêu cầu kiểm định là hệ số KMO phải lớn hơn 0,5 và nhỏ hơn 1, có ý nghĩa dữ liệu khảo sát là hoàn toàn phù hợp để phân tích nhân tố.

Giá trị Sig. của kiểm định Barlett là $0,000 < 0,05$ cho thấy các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể và phân tích nhân tố hoàn toàn phù hợp để áp dụng đối với dữ liệu khảo sát.

Hệ số phương sai trích – tổng là $64,683\% > 50\%$ nên đạt chuẩn. Con số này còn mang ý nghĩa 4 nhân tố được trích từ EFA giải thích được 64,683% biến thiên của dữ liệu.

b. Biến phụ thuộc:

Nhóm tác giả tiến hành phân tích nhân tố EFA cho các biến phụ thuộc để kiểm tra độ phù hợp của các thang đo.

Bảng 7. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA đối với biến phụ thuộc

Tên biến	Hệ số tải nhân tố	So sánh
CL1	0,881	$0,881 > 0,55$
CL3	0,867	$0,867 > 0,5$
CL2	0,849	$0,849 > 0,5$
Eigenvalue	2,249	$2,249 > 1$
Phương sai trích (%)	74,976	$74,976 > 50$
KMO	0,721	$0,5 < 0,721 < 1$
Giá trị Sig. của kiểm định Bartlett	0,000	$0,000 < 0,05$

Theo kết quả trong bảng 2 đối với biến phụ thuộc, các kiểm định đều hợp lệ với tiêu chuẩn. Các biến quan sát từ CL1 đến CL3 đều có hệ số tải $> 0,5$, Eigenvalue bằng $2,2 > 1$ và phương sai

trích là 74,976% > 50% cho biết nhân tố này giải thích được 74,976% biến thiên của dữ liệu. Do đó, cả 3 biến được giữ lại.

3.2.3. Phân tích hồi quy:

a. Phân tích tương quan Pearson:

Theo kết quả tương quan Pearson, về cơ bản, các giá trị tương quan giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập đều có ý nghĩa ở mức 99%, với giá trị Sig. của từng nhân tố đều thấp hơn 0,05 (đạt yêu cầu).

Tuy nhiên, theo Andy (2009), mặc dù có thể đánh giá mối liên hệ tuyến tính giữa hai biến qua hệ số tương quan Pearson, chúng ta cần thực hiện kiểm định giả thuyết hệ số tương quan này có ý nghĩa thống kê hay không.

Giả thuyết $H_0: r = 0$

$H_1: r \neq 0$, dùng kiểm định t để kiểm định giả thuyết, mức ý nghĩa 95%

Sig < 0.05: Bác bỏ H_0 , nghĩa là $r \neq 0$, hai biến có tương quan với nhau

Sig > 0.05: Chấp nhận H_0 , nghĩa là $r = 0$, hai biến không có tương quan với nhau

Sau khi xác định được hai biến có tương quan tuyến tính. Theo Andy Field (2009):

$|r| < 0.1$: mối tương quan rất yếu

$|r| < 0.3$: mối tương quan yếu

$|r| < 0.5$: mối tương quan trung bình

$|r| \geq 0.5$: mối tương quan mạnh

Vì vậy, khi xét các giá trị Sig. giữa các biến độc lập đều bé hơn 0,05, và các hệ số r ở mức tương quan trung bình và mạnh, nhóm tác giả nghi ngờ có hiện tượng đa cộng tuyến (các biến độc lập có sự tương quan với nhau), tuy nhiên vấn đề này sẽ được kiểm tra lại một lần nữa thông qua hệ số VIF ở các phần tiếp theo. Khi xem xét mối tương quan giữa các biến độc lập với nhau, các giá trị Sig. đều bé hơn 0,05, nhóm tác giả nghi ngờ có hiện tượng đa cộng tuyến (các biến độc lập có sự tương quan với nhau) tuy nhiên vấn đề này sẽ được kiểm tra phía sau.

b. Đánh giá độ phù hợp của mô hình:

Bảng 8. Kết quả phân tích hồi quy của mô hình

Mô hình	R	R ²	R hiệu chỉnh	Độ lệch chuẩn của ước lượng	Durbin-Watson
1	0,732 ^a	0,536	0,523	0,58002	1,783

Theo kết quả hồi quy sau khi chạy dữ liệu trên SPSS qua công cụ Linear, ta nhận thấy R² và R hiệu chỉnh có giá trị lần lượt là 0,536 và 0,523, tuy nhiên nhóm tác giả ưu tiên sử dụng hệ số R hiệu chỉnh do nó không thổi phồng độ phù hợp của mô hình (Hoàng và Chu, 2008). Do đó, giá trị R hiệu chỉnh cho thấy 52,3% sự biến thiên của biến phụ thuộc “CL” (chất lượng) được

giải thích bởi 4 biến độc lập trong mô hình, hay mức độ phù hợp của mô hình là 52,3%. 47,7% còn lại do các nhân tố khác nằm ngoài mô hình nghiên cứu mà nhóm tác giả chưa khám phá ra hoặc có thể đến từ sai số ngẫu nhiên.

c. Kiểm định ý nghĩa các hệ số hồi quy:

Kết quả phân các hệ số hồi quy được trình bày trong bảng 5 như sau:

Bảng 9. Các hệ số hồi quy trong mô hình

Model	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa	t	Sig.	Đa cộng tuyến		
	B	Sai số chuẩn	Beta			Dung sai	VIF	
1	Hằng số	0,316	0,304		1,039	0,300		
	QL	-0,147	0,088	-0,123	-1,675	0,096	0,614	1,628
	KT	0,165	0,081	0,155	2,041	0,043	0,571	1,752
	GV	0,229	0,074	0,214	3,072	0,003	0,681	1,468
	SV	0,596	0,073	0,586	8,136	0,000	0,635	1,575

Từ kết quả chạy hồi quy tuyến tính đa biến trong bảng 5, tác giả ghi nhận giá trị Sig. của 3 biến độc lập (KT, GV, SV) đều bé hơn 0,05, hệ số Beta chưa chuẩn hóa và Beta đã chuẩn hóa riêng của 3 biến này đều dương, riêng giá trị Sig của biến QL = 0,096 > 0,05. Do đó, chỉ có ba biến GV, SV và KT tác động thuận chiều tới chất lượng học tập trực tuyến của sinh viên học tại các trường đại học/cao đẳng trên địa bàn TP.HCM. Riêng biến Kỹ năng quản lý lớp học của giảng viên không có ý nghĩa thống kê. Dựa vào kết quả này cho phép tác giả đưa ra mô hình hồi quy về ảnh hưởng của các biến độc lập đến biến phụ thuộc (chất lượng học tập trực tuyến của sinh viên) như sau:

$$CL = -0,123 \times QL + 0,155 \times KT + 0,214 \times GV + 0,586 \times SV + \varepsilon$$

4. Đánh giá:

4.1. Kỹ năng giảng bài của giảng viên:

Kỹ năng giảng dạy của giảng viên là nhân tố tác động mạnh thứ hai đến chất lượng học tập trực tuyến với hệ số hồi quy là 0,214. Điều này có nghĩa là nếu đánh giá về kỹ năng giảng dạy của giảng viên tăng lên 1 điểm thì chất lượng học tập trực tuyến tăng lên 0,214 điểm trong điều kiện các nhân tố khác không đổi. So với yếu tố Khả năng tự học, tự tìm hiểu của sinh viên, Kỹ năng giảng dạy với hệ số hồi quy như trên có tác động ít hơn đối với chất lượng học tập trực tuyến. Tuy nhiên, có thể thấy, vai trò giảng dạy của giảng viên vẫn giữ vị trí quan trọng dù là

trực tiếp hay trực tuyến. Cụ thể, phương pháp truyền đạt của giảng viên và cách thức giảng viên tạo ra môi trường thảo luận, và các biện pháp khác nhằm tăng cường sự tương tác trong lớp học đã bù đắp lại những hạn chế do thiếu tương tác trực tiếp trong học tập trực tuyến.

Nếu nhân tố Khả năng tự học, tự tìm hiểu của sinh viên có thể xem như là một nhân tố đại diện cho phía chủ quan từ người học thì Kỹ năng giảng dạy của giảng viên mang ý nghĩa liên quan đến những yếu tố khách quan hỗ trợ rất lớn cho quá trình sinh viên tìm hiểu và tiếp thu kiến thức trong môi trường học tập trực tuyến. Nếu người sử dụng đánh giá giảng viên có phương pháp giảng dạy dễ hiểu, tạo ra môi trường tương tác cao và dễ dàng trao đổi tài liệu thì chất lượng học tập trực tuyến cũng tăng lên.

Thông kê mẫu cho thấy điểm đánh giá của người sử dụng đối với các biến quan sát thuộc nhân tố kỹ năng giảng dạy của giảng viên chênh lệch không nhiều, khoảng từ 3,53 đến 3,87 điểm. Trong đó biến GV7 được đánh giá cao nhất (3,87) cho thấy giảng viên tạo điều kiện cho việc chia sẻ tài liệu trong học tập trực tuyến khá dễ dàng, biến GV2 - Giảng viên có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu được đánh giá tương đối cao (3,72) và kế tiếp là hai biến GV6 - Giảng viên thường đặt các câu hỏi cho sinh viên trong lớp học trực tuyến (3,69) và GV5 - Sinh viên có môi trường thảo luận với sinh viên khác và giảng viên (3,53).

4.2. *Kỹ năng quản lý của giảng viên:*

Nhân tố quản lý lớp học của giảng viên qua kiểm định hệ số hồi quy cho thấy không thực sự tác động đến sự hài lòng của người sử dụng. Kết quả đã cho thấy quản lý trật tự trong lớp chỉ dừng lại là những hoạt động bên lề, hỗ trợ cho việc học, mà không tác động trực tiếp đến mức độ hiểu bài, nắm kiến thức của sinh viên. Các hoạt động thông báo kế hoạch chỉ tiêu đánh giá cũng chỉ diễn ra trước hoặc sau lúc giờ học diễn ra. Theo nghiên cứu “Factors Affecting the Quality of E-learning During the COVID-19 Pandemic From the Perspective of Higher Education Students” của Kesavan Vadakalur Elumalai và cộng sự năm 2020, ông đã cho rằng học trực tuyến là một mô hình tiếp cận tập trung vào học viên hơn là giáo viên. Vậy nên, kỹ năng quản lý lớp học của giảng viên không ảnh hưởng quá nhiều đến chất lượng học tập trực tuyến so với các yếu tố tác động trực tiếp đến người học như: phương tiện kỹ thuật; khả năng tự học, tự tìm hiểu của sinh viên;... Song, yếu tố quản lý lớp học của giảng viên được sinh viên đánh giá khá cao do các biến QL1, QL2 và QL3, QL4 có giá trị trung bình trong khoảng 3,67 – 4,05 điểm.

Cụ thể là QL4 - Giảng viên hỗ trợ giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan với giá trị 4.05, tiếp đến là QL2 được đánh giá 3,92 - Giảng viên thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy và chỉ tiêu đánh giá kế hoạch học tập, thứ 3 là QL1 - Giảng viên có những cách thức phù hợp để quản lý trật tự trong lớp (yêu cầu không bật mic khi không phát biểu, không thảo luận những vấn đề

không liên quan đến nội dung bài học,...) với 3,852 điểm, cuối cùng là QL3 - Chương trình học được thông báo rõ ràng, mặc dù đứng thứ tư nhưng mức điểm tương đối cao là 3,67 điểm. Có thể thấy mặc dù kỹ năng quản lý lớp học của giảng viên không được đánh giá cao trong mối tương quan tác động đến chất lượng học tập trực tuyến nhưng nhìn chung thì cá nhân người học nhìn nhận đây là một yếu tố quan trọng trong quá trình học tập theo quan điểm chủ quan và liên quan chủ yếu đến tâm lý sinh viên.

4.3. Khả năng tự học, tìm hiểu của sinh viên:

Khả năng tự học, tự tìm hiểu của sinh viên là nhân tố tác động mạnh nhất đến chất lượng học tập trực tuyến của sinh viên trên địa bàn TP.HCM. Hệ số hồi quy $\beta = 0,586$ cao có ý nghĩa là nếu đánh giá về khả năng tự học, tự tìm hiểu của sinh viên tăng lên 1 điểm thì chất lượng học tập trực tuyến của sinh viên tăng 0,586 điểm trong điều kiện các nhân tố khác không đổi. Kết quả cũng hợp lý bởi vì trong học tập trực tuyến, khi mà mọi hoạt động học tập diễn ra qua các thiết bị điện tử, sự giám sát, quản lý của giảng viên gặp nhiều hạn chế thì yếu tố động lực và sự tự giác của sinh viên đóng vai trò rất lớn trong khối lượng kiến thức sinh viên có thể nắm được và vận dụng thông qua sự giảng dạy trực tuyến của giảng viên. Chất lượng học tập được đánh giá phần lớn từ chính thái độ học tập, sự tập trung và sự quản lý thời gian của sinh viên để hoàn thành yêu cầu môn học.

Thống kê mẫu cho thấy điểm đánh giá của người sử dụng đối với các biến quan sát thuộc nhân tố Khả năng tự học, tự tìm hiểu của sinh viên ở mức trung bình và thấp nhất trong các biến độc lập. Trong đó, biến có điểm trung bình thấp nhất là biến SV4 (Trong lúc học trực tuyến, SV luôn tập trung và không bị xao lãng bởi môi trường và các nội dung không liên quan) với đánh giá trung bình là 3,12 điểm. Điều này cho thấy sinh viên không đánh giá cao Khả năng tự học, tự tìm hiểu của bản thân, đặc biệt khả năng tập trung và động lực học tập.

4.4. Phương tiện kỹ thuật:

Phương tiện kỹ thuật là nhân tố được đánh giá là tác động ít nhất đến chất lượng học tập trực tuyến với hệ số hồi quy là 0,155. Điều này có nghĩa là nếu sinh viên đánh giá về phương tiện kỹ thuật tăng lên 1 điểm thì chất lượng học tập trực tuyến tăng 0,155 điểm trong điều kiện các nhân tố khác không đổi. Kết quả này cũng khá hợp lý vì phương tiện kỹ thuật là nền tảng để sinh viên tiếp thu kiến thức cũng như bảo đảm quá trình học tập, tương tác trong lớp học trực tuyến không bị gián đoạn. Ngoài trường hợp các sự cố kỹ thuật diễn ra làm gián đoạn quá trình học tập thì phương tiện kỹ thuật hầu như không trực tiếp tác động đến lượng kiến thức và mức tiếp thu của sinh viên. Do đó mà phương tiện kỹ thuật tác động đến chất lượng học tập trực tuyến ở mức thấp hơn so với những yếu tố trực tiếp ảnh hưởng kết quả học tập như yếu tố đến từ phía bản thân sinh viên hoặc giảng viên.

Thống kê mẫu cho thấy điểm đánh giá của người sử dụng đối với các biến phương tiện kỹ thuật còn thấp, cụ thể giá trị trung bình trong khoảng 3,36 đến 3,90 điểm. Trong đó, biến có điểm trung bình thấp nhất là biến KT5 (Các sự cố, lỗi kỹ thuật được nhà trường hỗ trợ giải quyết nhanh chóng và hiệu quả) với đánh giá trung bình là 3,36 điểm.

Bài nghiên cứu đã thể hiện được mức độ đánh giá của sinh viên về các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng học tập trực tuyến tại các trường Đại học/Cao đẳng. Qua đó, làm cơ sở để nhìn nhận điều gì đã làm tốt và điều gì còn cần hoàn thiện nhiều hơn. Đây cũng là cơ sở để tác giả đưa ra các khuyến nghị, giải pháp để nâng cao chất lượng học tập trực tuyến trong chương tiếp theo.

5. Kết luận:

Như vậy, dựa vào phương pháp kiểm tra độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha) và phương pháp phân tích nhân tố khám phá, các thang đo đã được điều chỉnh, các nhân tố sau khi rút trích được phân tích (EFA) và hồi quy bội tuyến tính. Kết quả cho thấy, có 3 nhân tố tác động đến chất lượng học tập trực tuyến của sinh viên địa bàn TP Hồ Chí Minh là: khả năng tự học, tự tìm hiểu của sinh viên, kỹ năng giảng dạy của giảng viên và phương tiện kỹ thuật. Những biến độc lập này giải thích được 52,3% sự biến thiên của biến phụ thuộc, điều đó đã cho thấy mô hình nghiên cứu tương đối phù hợp và ý nghĩa. Trong đó, yếu tố có sự ảnh hưởng quan trọng nhất là khả năng tự học, tự tìm hiểu của sinh viên. Điều này cho thấy trong bối cảnh học trực tuyến ngày càng trở nên “bình thường hóa” và mở rộng không giới hạn cho người học về độ tuổi, trình độ,.... sự tự giác và khả năng tự học của người học, mà ở đây là sinh viên, đóng vai trò tiên quyết đến chất lượng học tập trực tuyến. Bên cạnh đó, phương tiện kỹ thuật là yếu tố có tác động ít nhất. Điều này có thể được giải thích bởi các chức năng được khai khác trong các nền tảng học trực tuyến hiện nay vẫn ở mức phổ dụng và chưa có những đặc trưng thật sự nổi trội so với những nhân tố khác.

Trong quá trình hoàn thiện đề tài, bài nghiên cứu tuy đáp ứng được một số mục đích đã đề ra trước đó, nhưng vẫn còn gặp nhiều rào cản dẫn đến việc tồn đọng những hạn chế đến từ nguyên nhân chủ quan và khách quan. Thứ nhất, bài viết chỉ mới giải thích được hơn 50% sự biến thiên về chất lượng, dẫn đến vẫn còn các yếu tố mà nghiên cứu chưa tìm ra hoặc chưa kiểm định là có ảnh hưởng đến chất lượng học tập trực tuyến của sinh viên địa bàn TP Hồ Chí Minh. Thứ hai, do sự hạn chế về thời gian lẫn nguồn lực nên nhóm nghiên cứu chưa thể khảo sát ở nhiều trường hơn làm cho chất lượng mẫu thu về chưa được cao. Cuối cùng, việc áp dụng thang đo Likert - 5 điểm để tiến hành khảo sát và xử lý dữ liệu cũng tồn tại một số nhược điểm, vì đầu đó vẫn còn nhiều yếu tố chủ quan và cảm tính, dẫn đến mức điểm đánh giá của người thực hiện khảo sát về các biến quan sát trong các thang đo chưa thật sự chuẩn xác và có thể dẫn đến kết quả chưa mang lại độ tin cậy và thực sự sát sao với tình hình học tập trực tuyến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn, Đ.T. & Nguyễn, T.M.T. (2010), “Nghiên cứu khoa học trong quản trị kinh doanh”.
- Hoàng, T. & Chu, N.M.N. (2008), *Phân tích dữ liệu với SPSS Tập 2*, NXB Hồng Đức, Hà Nội
- Vũ, T.H. & Nguyễn, M.T. (2013), “Tích hợp các yếu tố ảnh hưởng đến hài lòng của người học vào hệ thống E - learning: một tình huống tại trường Đại học Kinh tế - Luật”.
- Thao, T. (2016), *Giáo trình kỹ năng dạy học, dạy nghề*.
- Phạm, T.L. (2016), *Chất lượng dịch vụ đào tạo và sự hài lòng của người học: Trường hợp Trường Đại học Kinh tế*, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Hair, J., Anderson, R., Tatham, R. & Black, W. (1995), *Multivariate Data Analysis, 4th edn.*, Prentice Hall, Upper Saddle River, NJ.
- HARSASI, M. & SUTAWIJAYA, A. (2018), “Determinants of student's satisfaction in online tutorial: a study of a distance education institution”.
- Tabachnick, B. G. & Fidell, L. S. (2007), *Using multivariate statistics*
- Marzano, R.J., Jana S. Marzano, J.S. & Debra J. Pickering, D.J. (2016), *Classroom Management That Works*.
- Field, A. (2009), *Discovering Statistics Using SPSS (3rd Edition)*, Sage Publications Ltd., London.
- Elumalai, K. V., Sankar, J. P., Kalaichelvi R., John, J. A., Menon, N., Alqahtani, M. S. M., & Abumelha, M. A. (2020), “Factors Affecting the Quality of E-Learning during the COVID-19 Pandemic from the Perspective of Higher Education Students”, *Journal of Information Technology Education: Research*, Vol. 19, pp. 731 - 753.
- Bộ giáo dục và đào tạo. (2020), *Công văn số 795/BGDĐT-GDDH*.
- Bộ giáo dục và đào tạo. (2020), *Công văn 988/BGDĐT-GDDH*.

PHỤ LỤC 1 – BẢNG CÂU HỎI KHẢO SÁT

Theo mức độ từ **1** đến **5**, xin bạn vui lòng cho biết mức độ đánh giá các yếu tố sau về chất lượng học tập trực tuyến được triển khai tại trường của bạn trong thời gian qua tại TP Hồ Chí Minh bằng cách đánh dấu X vào ô số thích hợp theo quy ước sau:

(1) Hoàn toàn không đồng ý

(2) Không đồng ý

(3) Bình thường

(4) Đồng ý

(5) Hoàn toàn đồng ý

	1	2	3	4	5
PHẦN I. KỸ NĂNG GIẢNG DẠY CỦA GIÁNG VIÊN					
1. Giảng viên có trình độ cao, sâu rộng về chuyên môn giảng dạy					
2. Giảng viên có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu					
3. Giảng viên sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm cho sinh viên					
4. Giảng viên khuyến khích câu hỏi từ sinh viên					
5. Sinh viên có môi trường thảo luận với sinh viên khác và giảng viên					
6. Giảng viên thường đặt các câu hỏi cho SV trong các lớp học trực tuyến					
7. Có thể dễ dàng chia sẻ kiến thức và tài liệu trong học trực tuyến					
PHẦN II: KỸ NĂNG QUẢN LÝ LỚP HỌC CỦA GIÁNG VIÊN					
8. Giảng viên có những cách thức phù hợp để quản lý trật tự trong lớp (yêu cầu không bật mic khi không phát biểu, không thảo luận những vấn đề không liên quan đến nội dung bài học,...)					
9. Giảng viên thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy và chỉ tiêu đánh giá kế hoạch học tập					
10. Chương trình học trực tuyến được thông báo rõ ràng và đầy đủ cho sinh viên.					

11. Giảng viên hỗ trợ giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan					
PHẦN III: KHẢ NĂNG TỰ HỌC, TỰ TÌM HIỂU CỦA SINH VIÊN					
12. Tôi có động lực học tập và sẵn sàng học trên e-Learning					
13. Tôi sẽ học trực tuyến ở bất cứ mọi nơi nên không sợ bỏ lỡ kiến thức					
14. Tôi quản lý thời gian cá nhân tốt để hoàn thành yêu cầu của môn học					
15. Trong lúc học trực tuyến, tôi luôn tập trung và không bị xao lãng bởi môi trường và các nội dung không liên quan.					
PHẦN IV: PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT					
16. Tốc độ load của website nhanh					
17. Hệ thống chạy ổn định, hạn chế tình trạng không truy cập được vào hệ thống					
18. Giao diện dễ sử dụng, không đòi hỏi nhiều kiến thức về công nghệ					
19. Nền tảng e-learning thân thiện với người dùng để cài đặt và vận hành					
20. Các sự cố, lỗi kỹ thuật được nhà trường hỗ trợ giải quyết nhanh chóng và hiệu quả					
PHẦN V: CHẤT LƯỢNG HỌC TRỰC TUYẾN					
21. Học trực tuyến giúp tôi nhớ bài lâu hơn, hiểu sâu hơn về kiến thức					
22. Học trực tuyến tác động tích cực đến kết quả học tập của tôi: khối lượng kiến thức nhiều hơn và kiến thức được tổ chức tốt hơn					
23. Học trực tuyến giúp tôi thích thú với việc học hành hơn					

IV. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Giới tính của bạn là:

Nam ☐ Nữ ☐

2. Bạn hiện là sinh viên năm:

Nhất ☐ Hai ☐

Ba ☐ Tư ☐

Khác ☐

Bạn có góp ý hay câu hỏi gì về khảo sát này không?

.....

Xin chân thành cảm ơn bạn đã dành thời gian quý báu để hoàn thành bảng khảo sát này.

Nếu có bất kỳ thắc mắc nào, chúng mình rất mong bạn liên hệ đến email sau:

nguyentruc01042002@gmail.com

Chúc Bạn học tốt và đạt thành tích cao!